

Số: 26/2022/CBTT/TCT

Tây Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**
- Mã chứng khoán: **TCT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: (0276) 3823448; Fax: (0276) 3823448
- Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thanh Tuấn**
- Chức vụ: Thư ký Hội đồng Quản trị.
- Loại công bố thông tin:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2022.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCK TP.HCM;
- Lưu TCT.

**NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nguyễn Thanh Tuấn**

**Báo cáo Tài chính giữa niên độ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch	
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch	
Ông Trịnh Văn Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Đặng Tấn Tài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/06/2022

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc
---------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Nam	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 22/06/2022

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

**Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh**

**Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**

- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**Thay mặt Ban Giám đốc**



**Trần Trung Kiên**  
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022



Số: 100822.018/BCTC.FIS2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được lập ngày 10 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 21 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2018-002-1  
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>335.955.404.174</b>	<b>288.992.431.557</b>
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	32.141.092.644	42.476.449.016
111	1. Tiền		1.641.092.644	846.449.016
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.500.000.000	41.630.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		57.515.000.000	9.305.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	57.515.000.000	9.305.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		243.442.043.136	236.094.017.839
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		75.719.100	22.280.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		282.733.800	31.917.600
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	236.000.000.000	226.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.083.590.236	9.739.820.239
140	IV. Hàng tồn kho	7	925.341.734	871.035.856
141	1. Hàng tồn kho		925.341.734	871.035.856
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.931.926.660	245.928.846
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.931.926.660	30.247.141
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	215.681.705
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>15.895.124.071</b>	<b>18.560.891.395</b>
220	I. Tài sản cố định	9	15.556.160.463	18.515.330.483
221	1. Tài sản cố định hữu hình		15.549.216.018	18.487.552.704
222	- Nguyên giá		295.088.362.241	295.321.710.750
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(279.539.146.223)	(276.834.158.046)
227	2. Tài sản cố định vô hình		6.944.445	27.777.779
228	- Nguyên giá		125.000.000	125.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(118.055.555)	(97.222.221)
260	II. Tài sản dài hạn khác		338.963.608	45.560.912
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	338.963.608	45.560.912
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>351.850.528.245</b>	<b>307.553.322.952</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>24.231.792.941</b>	<b>11.488.928.093</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>23.985.100.070</b>	<b>11.488.928.093</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	10.536.672.991	9.754.736.963
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	11.274.011.036	361.960.133
314	3. Phải trả người lao động		614.877.757	813.562.930
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		978.483.507	78.380.215
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		113.299.569	52.184.797
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		166.164.642	99.382.587
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		301.590.568	328.720.468
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>246.692.871</b>	-
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		246.692.871	-
<b>400</b>	<b>D. NGUỒN VỐN</b>		<b>327.618.735.304</b>	<b>296.064.394.859</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12</b>	<b>327.618.735.304</b>	<b>296.064.394.859</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		127.880.000.000	127.880.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		127.880.000.000	127.880.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		51.418.611.387	51.418.611.387
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		148.320.123.917	116.765.783.472
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		116.765.783.472	115.120.693.476
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		31.554.340.445	1.645.089.996
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>351.850.528.245</b>	<b>307.553.322.952</b>



Trần Trung Kiên  
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu  
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	14	49.125.250.828	35.336.773.351
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		49.125.250.828	35.336.773.351
11	3. Giá vốn cung cấp dịch vụ	15	18.677.120.490	29.630.045.892
20	4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		30.448.130.338	5.706.727.459
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16	11.218.153.065	10.781.383.114
22	6. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	7. Chi phí bán hàng	17	210.279.676	348.291.804
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	1.809.640.213	1.672.619.869
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		39.646.363.514	14.467.198.900
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		171.637.958	14.489.245
40	12. Lợi nhuận khác		(171.637.958)	(14.489.245)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.474.725.556	14.452.709.655
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	7.920.385.111	2.915.981.931
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		31.554.340.445	11.536.727.724
71	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	2467	902



Trần Trung Kiên  
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu  
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Lợi nhuận trước thuế		39.474.725.556	14.452.709.655
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.409.763.162	17.284.613.973
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(11.046.515.107)	(10.766.893.869)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.837.973.611	20.970.429.759
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(118.573.595)	965.796.605
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(54.305.878)	262.879.604
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		5.138.237.389	(2.612.168.643)
12	(Tăng) chi phí trả trước		(2.195.082.215)	(375.871.755)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(288.627.752)	(130.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		34.319.621.560	19.081.065.570
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(649.361.000)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(193.515.000.000)	(25.635.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		135.605.000.000	10.255.530.411
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.904.383.068	3.735.410.056
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(44.654.977.932)	(11.644.059.533)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.335.356.372)	7.437.006.037
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		42.476.449.016	20.163.751.874
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	32.141.092.644	27.600.757.911



Trần Trung Kiên  
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu  
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.880.000.000 VND, tương đương 12.788.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 32 người).

**Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo; máng trượt và các dịch vụ khác.

**Đặc điểm hoạt động trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Trong 6 tháng đầu năm 2022, hoạt động của Công ty không thay đổi nhiều so cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, do tình hình covid đã được kiểm soát, các dịch vụ du lịch được mở bình thường do đó doanh thu năm 2022 đã tăng trưởng trở lại. Ngoài ra, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng mạnh chủ yếu do nhiều tài sản đã hết khấu hao.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### 2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
▶ Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
▶ Thiết bị quản lý	05 - 10 năm
▶ Các tài sản khác	04 - 15 năm
▶ Phần mềm kế toán, bản vé điện tử	03 năm

#### 2.8 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 đến 24 tháng.

## 2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về dịch vụ quảng cáo, cho thuê địa điểm. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và thường ban điều hành.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.14 Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.15 Giá vốn**

Giá vốn trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### *Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

## **2.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## **2.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.19 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt tại khu vực Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 3. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	422.550.184	142.813.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.218.542.460	703.636.016
Các khoản tương đương tiền (*)	30.500.000.000	41.630.000.000
	<b>32.141.092.644</b>	<b>42.476.449.016</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP với lãi suất 3,5%/năm đến 4,0%/năm.

### 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tại ngày 30/06/2022, “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất từ 3,9%/năm đến 5,8%/năm.

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Cho vay các tổ chức (i)	236.000.000.000	226.300.000.000
	<b>236.000.000.000</b>	<b>226.300.000.000</b>

(i) Khoản cho vay các tổ chức với mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn từ 03 – 06 tháng, lãi suất 8%/năm.

### 6. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	7.053.590.236	9.739.820.239
Tạm ứng	30.000.000	-
	<b>7.083.590.236</b>	<b>9.739.820.239</b>

7. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	925.341.734	871.035.856
	<u>925.341.734</u>	<u>871.035.856</u>

8. Chi phí trả trước

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa TCSĐ	500.378.485	-
Chi phí khác	1.431.548.175	30.247.141
	<u>1.931.926.660</u>	<u>30.247.141</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa TCSĐ	236.414.001	34.090.909
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.181.250	8.653.371
Chi phí khác	99.368.357	2.816.632
	<u>338.963.608</u>	<u>45.560.912</u>



**Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh**

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	TSCĐ vô hình		Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		Các tài sản khác		Tổng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		
<b>Nguyên giá</b>													
Tại ngày 01/01/2022	125.000.000		68.675.794.068		209.082.530.607		2.794.211.455		12.611.299.778		2.157.874.842		295.321.710.750
Mua mới trong kỳ	-		-		32.150.000		-		617.211.000		-		649.361.000
Thanh lý, nhượng bán	-		-		-		-		(882.709.509)		-		(882.709.509)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>125.000.000</b>		<b>68.675.794.068</b>		<b>209.114.680.607</b>		<b>2.794.211.455</b>		<b>12.345.801.269</b>		<b>2.157.874.842</b>		<b>295.088.362.241</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>													
Tại ngày 01/01/2022	97.222.221		57.280.759.824		205.736.331.855		2.708.386.553		9.183.647.577		1.925.032.237		276.834.158.046
Khấu hao TSCĐ kinh doanh	20.833.334		465.129.055		2.080.136.595		69.727.116		711.446.435		62.490.627		3.388.929.828
Hao mòn TSCĐ nguồn phúc lợi	-		27.129.900		-		-		-		-		27.129.900
Thanh lý, nhượng bán	-		-		-		-		(711.071.551)		-		(711.071.551)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>118.055.555</b>		<b>57.773.018.779</b>		<b>207.816.468.450</b>		<b>2.778.113.669</b>		<b>9.184.022.461</b>		<b>1.987.522.864</b>		<b>279.539.146.223</b>
<b>Giá trị còn lại</b>													
Tại ngày 01/01/2022	27.777.779		11.395.034.244		3.346.198.752		85.824.902		3.427.652.201		232.842.605		18.487.552.704
Tại ngày 30/06/2022	<b>6.944.445</b>		<b>10.902.775.289</b>		<b>1.298.212.157</b>		<b>16.097.786</b>		<b>3.161.778.808</b>		<b>170.351.978</b>		<b>15.549.216.018</b>

▶ Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 262.633.617.923 VND.

#### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Thái Dương	9.752.848.963	9.752.848.963	9.752.848.963	9.752.848.963
Khác	783.824.028	783.824.028	1.888.000	1.888.000
	<b>10.536.672.991</b>	<b>10.536.672.991</b>	<b>9.754.736.963</b>	<b>9.754.736.963</b>
Trong đó, bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 23)	<b>187.840.000</b>	<b>187.840.000</b>	-	-

#### 11. Thuế và các khoản phải nộp thuế Nhà nước

	01/01/2022	Trong kỳ		30/06/2022
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.956.240.654	2.556.121.856	400.118.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	288.627.752	7.920.385.111	288.627.752	7.920.385.111
Thuế thu nhập cá nhân	73.049.426	74.252.187	136.582.735	10.718.878
Tiền thuế đất, thuế đất	-	2.826.838.929	-	2.826.838.929
Các loại thuế, phí khác	282.955	491.231.893	375.565.528	115.949.320
	<b>361.960.133</b>	<b>14.268.948.774</b>	<b>3.356.897.871</b>	<b>11.274.011.036</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	127.880.000.000	51.418.611.387	121.514.693.476	300.813.304.863
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	11.536.727.724	11.536.727.724
Tại ngày 30/06/2021	<b>127.880.000.000</b>	<b>51.418.611.387</b>	<b>133.051.421.200</b>	<b>312.350.032.587</b>
Tại ngày 01/01/2022	127.880.000.000	51.418.611.387	116.765.783.472	296.064.394.859
Lợi nhuận kỳ này	-	-	31.554.340.445	31.554.340.445
Tại ngày 30/06/2022	<b>127.880.000.000</b>	<b>51.418.611.387</b>	<b>148.320.123.917</b>	<b>327.618.735.304</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	65.220.800.000	51,00%	65.220.800.000	51,00%
Công ty Bảo Việt Nhân thọ Tây Ninh	12.000.000.000	9,38%	12.000.000.000	9,38%
Tập đoàn Bảo Việt	8.459.600.000	6,62%	8.459.600.000	6,62%
Cổ đông khác	42.199.600.000	33,00%	42.199.600.000	33,00%
	<b>127.880.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	127.880.000.000	127.880.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	127.880.000.000	127.880.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**e) Các quỹ của Công ty**

Tại ngày 01/01/2022 và ngày 30/06/2022, Công ty chỉ có Quỹ đầu tư phát triển thuộc vốn chủ sở hữu.

**13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký 02 (hai) hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05.HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/9/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009.
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/5/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**14. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	48.482.002.270	34.630.854.539
Dịch vụ khác	643.248.558	705.918.812
	<b>49.125.250.828</b>	<b>35.336.773.351</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 23)	<b>132.991.211</b>	<b>224.807.741</b>

**15. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	18.203.541.163	29.454.352.559
Dịch vụ khác	473.579.327	175.693.333
	<b>18.677.120.490</b>	<b>29.630.045.892</b>
Trong đó: Giá vốn đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 23)	<b>6.465.398.277</b>	<b>5.248.326.977</b>

**16. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	11.218.153.065	10.781.383.114
	<b>11.218.153.065</b>	<b>10.781.383.114</b>

**17. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	101.923.241	100.829.951
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	76.636.254
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.356.435	170.479.940
Chi phí bằng tiền khác	-	345.659
	<b>210.279.676</b>	<b>348.291.804</b>

**18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.249.270.187	1.149.376.528
Chi phí khấu hao TSCĐ	220.364.685	246.010.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.084.777	231.067.096
Chi phí khác	59.920.564	46.166.098
	<b>1.809.640.213</b>	<b>1.672.619.869</b>

**19. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>39.474.725.556</b>	<b>14.452.709.655</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	127.200.000	127.200.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>127.200.000</i>	<i>127.200.000</i>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>39.601.925.556</b>	<b>14.579.909.655</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ</b>	<b>7.920.385.111</b>	<b>2.915.981.931</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	288.627.752	109.408.450
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(288.627.752)	(130.000.000)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>7.920.385.111</b>	<b>2.895.390.381</b>

**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	31.554.340.445	11.536.727.724
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.554.340.445	11.536.727.724
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.788.000	12.788.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.467</b>	<b>902</b>

Công ty chưa dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tại ngày 30/06/2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	582.561.352	325.248.849
Chi phí nhân công	4.923.287.819	4.415.138.161
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.409.763.162	17.284.613.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.806.067.110	8.390.904.210
Chi phí khác bằng tiền	1.975.360.936	1.235.052.372
	<b>20.697.040.379</b>	<b>31.650.957.565</b>

**22. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Công ty mẹ Điều hành

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>132.991.211</b>	<b>224.807.741</b>
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	132.991.211	224.807.741
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>6.465.398.277</b>	<b>5.248.326.977</b>
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	6.465.398.277	5.248.326.977

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>187.840.000</b>	-
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	187.840.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	37.200.000	37.200.000
Ông Trịnh Văn Hà	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn	-	30.000.000
Ông Võ Trần Chí Thịnh	30.000.000	-
Ông Đặng Tấn Tài	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Quang	108.000.000	108.000.000
Ông Bùi Minh Nam	18.000.000	18.000.000
Ông Lý Bình Hòa	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Trung Kiên	298.514.827	270.567.638
	<b>569.714.827</b>	<b>541.767.638</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

#### 24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

#### 25. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2022.



  
Trần Trung Kiên  
Giám đốc

  
Nguyễn Thành Đông  
Kế toán trưởng

  
Lâm Thị Ngọc Châu  
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022